

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN SINH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN SINH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN SINH VIET NAM TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN SINH VIET NAM., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108557300

3. Ngày thành lập: 03/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, Tòa nhà ACM HOLDINGS số 78 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917246945

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Tư vấn du học (Điều 9, Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập)	8560
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
3.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
4.	Điều hành tua du lịch	7912
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
7.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
8.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
9.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
10.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
11.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm	7810

12.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Chương II – Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6810
13.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
16.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
17.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
18.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
19.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
20.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
21.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác: Bán buôn thực phẩm chức năng (Khoản 23 điều 2 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010); Bán buôn thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (Khoản 23 điều 2 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010)	4632(Chính)
22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Cho thuê xe có động cơ	7710
24.	Bưu chính	5310
25.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
26.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
27.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
28.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
29.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

30.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Hoạt động cho thuê lại lao động (Điều 5 Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22/05/2013) - Hoạt động dịch vụ việc làm (Điều 6 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/05/2014) - Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (Điều 8 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2016/QH11 ngày 29/11/2006)	7830
31.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
32.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 – Luật thương mại số 36/2005/QH11)	8299
34.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
35.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102
38.	Xây dựng công trình điện	4221
39.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
40.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
41.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
42.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
43.	Phá dỡ	4311
44.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Cung cấp dịch vụ khảo sát địa vật lý trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	7110
46.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
47.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
48.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
49.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
50.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
51.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
52.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Khoản 2, điều 3; điều 62 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Khoản 8, điều 3; điều 74 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014); - Dịch vụ quản lý bất động sản (Khoản 5, điều 3; điều 75 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6820
53.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá	4791
54.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
55.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
56.	Chuyên phát	5320
57.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VIÊM THỊ THANH PHƯƠNG	Thôn Triều Thôn, Xã Nam Sơn, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	125465807	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
2	TRIỆU THÚY PHƯỢNG	Số 39 phố Đức Tâm 2, Thị trấn Văn Quan, Huyện Văn Quan, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	082073102	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
3	NGUYỄN QUANG MINH	P1211 - ĐN1 - Khu GD sỹ quan, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	60,000	0360940000 24	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	60,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUANG MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 08/01/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036094000024

Ngày cấp: 16/07/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P1211 - ĐN1 - Khu GD sỹ quan, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P1211 - ĐN1 - Khu GD sỹ quan, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội